TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 216/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/7/2018
V/v: xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Đặng Tấn Phước;

2. Nguyễn Thị Tuyết Ái.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Huynh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lưu - Kiểm sát viên.

Trong ngày **04** tháng **7** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2017 về việc "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Mỹ H,** sinh năm: 1976.

Cư trú: Tổ 5, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Ông **Trần Hoàng V**, sinh năm: 1976

Cư trú: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà H có mặt, ông V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà Lê Thị Mỹ H, trình bày: Hôn nhân của bà với ông V là do mai mối, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 1996 và đăng ký kết hôn vào năm 2002. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V không biết lo làm ăn, chăm lo cho cuộc sống gia đình mà chỉ lo ăn nhậu, rồi đánh đập bà một cách thường xuyên.

Trong thời gian ly thân gia đình hai bên cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng và ông Văn cũng bỏ mặc bà. Bà và ông V đã ly thân nhau từ năm 2011 đến nay. Nay bà xin được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà và ông V có 02 con chung tên là Trần Văn B, sinh ngày 18/3/1997 và Trần Tường V sinh ngày 10/5/2000 hiện các con đã đến tuổi trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông V không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông V từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt và niêm yết công khai thông báo thụ lý và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông vẫn không có mặt, nghĩ nên cần phải tiến hành việc xét xử vắng mặt ông theo thủ tục chung

Chứng cứ thu thập được:

Bà Trần Thị L (mẹ ruột của ông V) trình bày: Ông V là con ruột của bà, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa ông V và bà H là do ông V con bà có uống rượu, bà H không đồng ý dẫn đến vợ chồng cãi vã với nhau, bà H bỏ lên Bình Dương sinh sống, con bà ông V có đi tìm, vợ chồng chung sống được một thời gian thì lại tiếp tục cãi nhau và vợ chồng đã có thời gian ly thân từ rất lâu, bà nhớ là từ năm 2006 đến nay. Nay bà H xin ly hôn với ông V thì bà không có ý kiến, vì con đã lớn mọi chuyện là do hai bên tự quyết định.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử được đảm bảo. Về nội dung giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà H xin ly hôn với ông V, bà H hiện đang cư trú tại huyện An Phú, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H và ông V có đăng ký kết hôn tại xã N, huyện A, tỉnh An Giang vào năm 2006 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà Hạnh xin được ly hôn với ông V, HĐXX xét thấy:

Mặc dù Tòa án không trực tiếp làm việc được với ông V và ông cũng không tham gia hòa giải tại Tòa án và cũng vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Tuy nhiên, qua làm việc với bà H và qua kết quả xác minh với lời trình bày của bà Nguyễn Thị L (mẹ ruột của ông V), có thể nhận định rằng, bà H và ông V đã có một thời gian đầu của cuộc hôn nhân chung sống hạnh

phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến bà H và có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập bà H. Từ đó, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vợ chồng cũng đã ly thân nhau trong một thời gian khá dài, từ năm 2011 đến nay. Gia đình hai bên cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng cho bà H và ông V.

Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do đó yêu cầu ly hôn của bà H là chính đáng và hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Hiện nay hai con của bà H và ông V đã đến tuổi trưởng thành nên không đề cập, xem xét để giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng**: Các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.*

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ H được ly hôn với ông Trần Hoàng V.

Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm(được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0002820 ngày 06/3/2018).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/7/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THAH;
- VKSH;
- TAT;
- Lưu vp;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thanh Hoàng